

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /2019/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn cung cấp.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của liên Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 17/TTr-SNNPTNT ngày 10 tháng 01 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn cung cấp, như sau:



1. Giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn theo mục đích sử dụng/tháng.

a) Sinh hoạt các hộ dân.

- Mức từ 01 m ³ đến 10 m ³ đầu tiên (hộ/tháng):	6.400 đồng/m ³ .
- Từ trên 10 m ³ đến 20 m ³ (hộ/tháng):	6.500 đồng/m ³ .
- Từ trên 20 m ³ đến 30 m ³ (hộ/tháng):	7.800 đồng/m ³ .
- Từ trên 30 m ³ (hộ/tháng):	9.000 đồng/m ³ .

b) Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: 7.800 đồng/m³.

c) Hoạt động sản xuất vật chất: 9.000 đồng/m³.

d) Kinh doanh dịch vụ: 11.000 đồng/m³.

2. Giá tiêu thụ nước sạch quy định tại Khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 5%), chi phí bảo trì, chi phí đầu nối (bao gồm đồng hồ nước và chi phí đường ống có khoảng cách tối đa 05 mét, tính từ điểm đầu nối đến đồng hồ nước của khách hàng). Trường hợp khoảng cách đầu nối đến đồng hồ dài trên 05 mét thì khách hàng phải chi trả chi phí tăng thêm cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; giá tiêu thụ nước sạch quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm phí bảo vệ môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Các nội dung không được quy định tại Quyết định này, được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giải thích, hướng dẫn để người tiêu dùng hiểu, đồng thuận và cùng hưởng ứng tham gia thực hiện tốt nội dung Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Giao Giám đốc Sở Y tế tổ chức thực hiện tăng cường công tác kiểm tra, đảm bảo chất lượng nguồn nước theo quy định.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 và bãi bỏ Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh Kiên Giang, về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang / Đ.Đ

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (Đảng, CQ, ĐT và DNNN);
- Như Điều 3;
- Trung tâm NS&VSMTNT tỉnh;
- Công báo tỉnh KG;
- LĐVP, Phòng: KTCN, KTTH, TH;
- Lưu: VT, tvhung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Anh Nhịn

Mai Anh Nhịn

VIỆN S.1